

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà học bộ môn Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 02 về chủ trương đầu tư Dự án Nhà học bộ môn Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 603/SXD-HĐXD ngày 24/01/2022, kèm theo Tờ trình số 21/TTr-BQLDA ngày 21/01/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh và hồ sơ dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà học bộ môn Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Nhà học bộ môn Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh.
2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh.
4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh.
5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Xuân Cường.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà học bộ môn nhằm từng bước đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của Trường THCS và THPT Như Thanh, từng bước hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

8. Nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu:

Xây mới nhà học bộ môn 3 tầng 09 phòng Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh, cụ thể:

8.1. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 486,2 m², diện tích sàn xây dựng 1.377,2 m². Chiều cao công trình 14,05m (tính từ cốt sân hoàn thiện đến đỉnh mái), trong đó: Cốt nền nhà đặt tại cốt $\pm 0,00$ m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,75m; các tầng 1, 2, 3 mỗi tầng cao 3,6m; mái cao 2,5m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí: Phòng học bộ môn Sinh học + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học bộ môn Hóa học + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học bộ môn Công nghệ + phòng chuẩn bị dụng cụ.

- Mặt bằng tầng 2 bố trí: Phòng học bộ môn Vật lý + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học bộ môn Tin học + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học bộ môn Mỹ thuật + phòng chuẩn bị dụng cụ.

- Mặt bằng tầng 3 bố trí: Phòng học bộ môn Ngoại ngữ + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học bộ môn Âm nhạc + phòng chuẩn bị dụng cụ; Phòng học đa chức năng + phòng chuẩn bị dụng cụ.

- Giao thông đứng bằng 01 cầu thang bộ trong nhà và 01 cầu thang bộ ngoài nhà; giao thông ngang nhà bằng hành lang trước rộng 2,4m.

- Tường xây gạch không nung vừa xi măng (VXM) mác 50; tường, trần, gờ, phào, cạnh cửa trát VXM mác 75, hoàn thiện lăn sơn trực tiếp 03 nước theo quy phạm. Nền, sàn lát gạch Ceramic KT 600x600mm. Bậc tam cấp, bậc cầu thang xây gạch tiêu chuẩn; mặt bậc, cổ bậc ốp lát đá Granite. Lan can, tay vịn hành lang và cầu thang dùng sắt hộp 30x30x1,2mm, tay vịn thép ống D65x1,4mm được sơn chống gỉ màu trắng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách dùng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,38mm. Hoa sắt cửa sổ dùng sắt hộp 20x20x1,2mm sơn chống gỉ màu trắng.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng băng BTCT, đá 1x2, mác 250 đổ toàn khối, một phần móng đặt trên lớp cát hạt trung gia cố và trên nền đất tự nhiên. Cánh móng băng rộng 1,2m và 1,6m cao 0,45m đặt sâu 2,5m so với cốt sân hoàn thiện; dầm móng tiết diện 330x650mm; lót móng bê tông đá 4x6 mác

100 dày 100mm.

- Phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT đá 1x2 mác 250 đổ toàn khối, gồm: Cột tiết diện 220x220mm, 220x350mm; dầm tiết diện 220x400mm, 220x600mm; sàn dày 120mm.

c) Giải pháp điện và chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ mạng điện chung của khu vực. Sử dụng dây dẫn tiết diện (3x35+1x25)mm² kéo từ điện tổng tầng 01, sau đó dẫn đến các phụ tải. Dây điện luôn trong ống ghen nhựa đi chìm trong tường, trần. Hệ thống internet và mạng lan được thiết kế đồng bộ đảm bảo sử dụng.

- Hệ thống chống sét dùng kim thu sét thép D16, dài 1,0m kết hợp dây dẫn sét D10, các kim thu sét được nối với nhau thành mạch kín. Bộ nối đất gồm các cọc tiếp địa thép góc 63x63x5mm, dài 2,5m được nối với nhau bằng thép dẹt 40x4mm; toàn bộ hệ tiếp địa chôn sâu dưới đất đảm bảo điện trở nối đất theo quy định.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho công trình được lấy từ điểm đầu nối cấp nước trong khu vực, sử dụng bơm nước lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các phòng học bộ môn bằng ống PPR.

- Nước chậu thí nghiệm phòng học bộ môn được đưa ra bể trung hòa đặt ngầm dưới đất để xử lý trước khi thoát ra hệ thống rãnh thoát nước chung. Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa U.PVC.

e) Giải pháp phòng cháy và chữa cháy:

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà gồm: Hộp đựng, bình chữa cháy và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy, chỉ dẫn lối thoát hiểm.

- Ngoài nhà sử dụng chung hệ thống phòng cháy chữa cháy đã xây dựng năm 2016 cho nhà lớp học 3 tầng 12 phòng.

8.2. Hạng mục Phá dỡ:

a) Nhà kho: Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 25,1m². Chiều cao công trình 4,9m. Kết cấu tường xây gạch chịu lực, mái xây tường thu hồi kết hợp vì kèo gỗ, gác xà gỗ, lợp mái ngói. Phần móng xây đá hộc.

b) Nhà vệ sinh 01: Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 55,0m². Chiều cao 3,85m. Mặt bằng bố trí khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Kết cấu khung BTCT gồm cột, dầm, sàn; tường xây gạch.

c) Nhà vệ sinh 02: Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 21,8m². Chiều cao 4,0m. Mặt bằng bố trí khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Kết cấu khung BTCT gồm cột, dầm, sàn; tường xây gạch.

d) Tường rào: Đoạn tường rào xây gạch tiêu chuẩn dày 110mm, cao 1,9m;

bổ trụ gạch 220x220mm cách đều 2,5m. Móng tường rào xây đá hộc.

9. Tổng mức đầu tư: 8.996.021.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 7.693.456.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 241.014.994 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 768.205.653 đồng;
- Chi phí khác: 56.837.493 đồng;
- Chi phí dự phòng: 236.506.882 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo bố trí 90% tổng mức đầu tư (8,1 tỷ đồng); phần còn lại do ngân sách huyện Như Thanh đảm nhận (0,9 tỷ đồng).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 603/SXD-HĐXD ngày 24/01/2022 nêu trên.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M1d20)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: **TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà học bộ môn Trường THCS và THPT Như Thanh, huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng.

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Dự toán chi tiết	6.994.050.909	699.405.091	7.693.456.000
II	Chi phí quản lý dự án		$(G_{XD} + G_{TB})^{\text{trước VAT}} \times 3,446\%$	241.014.994		241.014.994
III	Chi phí tư vấn ĐTXD	Gtv	$(1)+(2)+\dots+(8)$	699.004.599	69.201.055	768.205.653
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình		Dự toán	57.237.273	5.723.727	62.961.000
2	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh		Dự toán	45.454.545	4.545.455	50.000.000
3	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 4,201\%$	293.820.079	29.382.008	323.202.087
4	Chi phí thẩm tra thiết kế		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	18.044.651	1.804.465	19.849.116
5	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	17.485.127	1.748.513	19.233.640
6	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	30.214.300	3.021.430	33.235.730
7	Chi phí giám sát thi công XD		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	229.754.572	22.975.457	252.730.030
8	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	6.994.051		6.994.051

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
IV	Chi phí khác	Gk	(1)+(2)+... + (5)	56.277.969	559.524	56.837.493
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		$G_{GS}^{\text{trước VAT}} \times 5,0\%$	11.487.729		11.487.729
3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư XDCT		$50\% \times \text{TMĐT} \times 0,019\%$	855.000		855.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	5.595.241	559.524	6.154.765
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$\text{TMĐT} \times 0,426\%$	38.340.000		38.340.000
V	Chi phí dự phòng	G_{DP}	(1)			236.506.882
1	Chi phí dự phòng		$(G_{XD}+G_{TV}+G_{QLDA}+G_K) \times 2,7\%$			236.506.882
	TỔNG CỘNG (làm tròn)		I+II+III+IV+V			8.996.021.000